

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

BẢN TIN



TRUNG TÂM THÔNG TIN KINH TẾ - PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Số 26 (29) Tháng 4/2009

SỬA ĐỔI LUẬT KHOÁNG SẢN Cải thiện môi trường đầu tư cho ngành Khoáng sản Việt Nam

Các kết quả điều tra, đánh giá địa chất khoáng sản cho thấy mặc dù Việt Nam là một quốc gia giàu khoáng sản¹ nhưng lại không nằm trong danh sách những nước được cộng đồng quốc tế đánh giá là hấp dẫn đầu tư khai thác mỏ. Trước năm 1990, có rất nhiều mỏ khoáng sản đặc biệt là kim loại và than được thăm dò, khai thác bằng nguồn vốn nhà nước với công nghệ chưa tiến tiến. Ngoài ra, việc chấp hành các quy định về an toàn và môi trường cũng chưa được đảm bảo. Luật Khoáng sản lần đầu tiên được ban hành vào năm 1996. Năm 2005, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản cùng với Nghị định hướng dẫn thi hành Luật này được ban hành phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Mặc dù pháp luật về khoáng sản chứa đựng nhiều điều khoản giống với pháp luật khoáng sản của các nước có ngành khoáng sản phát triển, nhưng vẫn còn bộc lộ một số bất cập và vướng mắc đòi hỏi cần có sự sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện hơn nữa. Ngoài ra, quyết định gần đây của Chính phủ về việc tăng thuế tài nguyên và thuế xuất khẩu tài nguyên cùng với những quy định bất lợi khác về tài chính đã làm cho mức đầu tư trong ngành khai thác khoáng sản giảm mạnh.

Trong Bản tin này, chúng tôi tập hợp các phân tích và thảo luận liên quan đến pháp luật về khoáng sản từ các chuyên gia, luật sư, cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước nhằm khắc phục những trở ngại chính để tạo một môi trường pháp lý thuận lợi, thúc đẩy đầu tư từ những nhà đầu tư có chất lượng. Các thảo luận và phân tích tập trung vào những vấn đề cần sửa đổi bổ sung đối với pháp luật về khoáng sản, bao gồm việc đảm bảo quyền tiếp tục được hoạt động khoáng sản của nhà đầu tư, ổn định cơ chế tài chính/điều kiện đầu tư và việc làm rõ các quy trình quản lý/cấp phép và thẩm quyền của các cơ quan ban ngành.

Những thay đổi về luật pháp và chính sách đối với ngành khoáng sản trong thời gian tới sẽ quyết định liệu ngành khoáng sản có tiếp tục đình trệ và trở thành gánh nặng đối với môi trường và xã hội, hay các điều kiện đầu tư được thay đổi, thu hút nhiều nhà đầu tư có chất lượng cao giúp hiện đại hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành và góp phần thúc đẩy nền kinh tế quốc gia.

Đảm bảo quyền tiếp tục được khai thác cho các nhà đầu tư

Luật Khoáng sản hiện nay quy định thời hạn của giấy phép thăm dò khoáng sản là 24 tháng. Giấy phép có thể được Chính phủ xem xét gia hạn lần đầu thêm 24 tháng và lần cuối thêm 24 tháng nữa. Như vậy, tổng cộng, thời hạn tối đa của giấy phép thăm dò là 6 năm và không được phép gia hạn thêm sau khi hết 6 năm. Đối với phần lớn hoạt động thăm dò khoáng sản có quy mô lớn, thời hạn này không thực tế và không thể đủ

cho đơn vị được cấp phép hoàn tất việc thăm dò sơ bộ, thăm dò chi tiết, xác định trữ lượng và nghiên cứu khả thi để có thể xin cấp giấy phép khai thác. Hoạt động thăm dò thường đòi hỏi chi phí đầu tư lớn ngay từ ban đầu và thời gian dài nên việc không chắc chắn có được cấp giấy phép khai thác hay không thực sự là một trở ngại lớn đối với các công ty hoạt động khoáng sản ở Việt Nam. Dưới đây là một số đề xuất nhằm khắc phục những bất cập trên:

- **Tăng thời hạn** của giấy phép thăm dò lên ít nhất là 10 năm (theo thông lệ quốc tế) để đơn vị được cấp phép thăm dò có đủ thời gian hoàn tất thăm dò sơ bộ, thăm dò chi tiết, xác định trữ lượng và nghiên cứu khả thi cần thiết để có thể xin cấp giấy phép khai thác.

- **Đảm bảo quyền được cấp giấy phép khai thác** cho những đơn vị đã được cấp phép thăm dò bằng cách tăng thời hạn được

hưởng “đặc quyền xin cấp phép khai thác” từ 6 tháng lên 1-2 năm hoặc gộp giấy phép thăm dò với giấy phép khai thác.

Thiết lập cơ chế tài chính nhất quán và hợp lý

Do đặc thù của ngành khai thác mỏ (như dự án có thời hạn và cần nhiều vốn đầu tư), một cơ chế tài chính không có tính tiên liệu sẽ làm mất hiệu quả kinh doanh của mỏ, và làm suy giảm niềm tin của nhà đầu tư đối với ngành khai thác mỏ. Các chính sách bất hợp lý, không có tính tiên liệu do việc thay đổi cơ chế tài chính (về thuế, thuế tài nguyên và lệ phí), làm ảnh hưởng xấu tới lợi nhuận của nhà đầu tư sẽ khiến dự án đầu tư khó đứng vững trong dài hạn.

Để có cơ chế tài chính hợp lý và nhất quán thì điều quan trọng là Chính phủ phải thực hiện cam kết xây dựng chính sách hợp lý và ổn định. Hơn nữa, việc xây dựng cơ chế thuế tối ưu đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách phải đánh giá được đặc thù của ngành khai thác mỏ cũng như tác động tổng thể của các loại thuế khác nhau lên hiệu quả kinh tế của ngành và mức độ hấp dẫn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Hầu hết các quốc gia có ngành khoáng sản thành công đều nhận thấy chính sách thuế đối với ngành phải được xây dựng một cách tổng thể và cân đối (thay vì đơn lẻ và mang tính tạm

(Xem tiếp trang 4)



“Môi trường Kinh doanh” tóm tắt và phân tích ngắn gọn về những vấn đề ảnh hưởng tới môi trường kinh doanh ở Việt Nam và đưa ra một loạt các ý kiến của nhiều bên liên quan. Mục đích nhằm cung cấp cho những người quan tâm tới các vấn đề kinh doanh một cái nhìn tổng quan về một vấn đề môi trường kinh doanh cụ thể.

Bản tin này được phát hành với sự hỗ trợ của MPDF, một sáng kiến phát triển kinh tế tư nhân tại Việt Nam, Campuchia và Lào, do IFC điều hành và tài trợ bởi Úc, Canada, Phần Lan, IFC, Cộng hòa Ai-len, Nhật Bản, Niu Di Lân, Hà Lan, Na Uy, Thụy Điển, và Thụy Sĩ.

Những phân tích và quan điểm trình bày ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thêm thông tin tham khảo và không phải là quan điểm chính thức của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) hay IFC.

Khí trích dẫn và phổ biến thông tin trong bản tin này, đề nghị dẫn nguồn VCCI/IFC.

(1) Theo Saigon Times Weekly số ra ngày 23 tháng 9 năm 2006, Việt Nam đứng hàng thứ 7 trong 15 quốc gia giàu khoáng sản nhất thế giới.

Đảm bảo quyền tiếp tục được khai thác cho các nhà đầu tư



● Nhằm khuyến khích và tạo điều kiện để tổ chức cá nhân tham gia đầu tư hoạt động khoáng sản hiệu quả, một số vấn đề cần được xem xét và bổ sung bao gồm:

Lồng ghép giấy phép trong hoạt động khoáng sản. Theo quy định tại Luật Khoáng sản thì hoạt động khoáng sản bao gồm hoạt động khảo sát, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản ở thể

rắn, thể khí, nước khoáng và nước nóng thiên nhiên, để tiến hành hoạt động ở mỗi một giai đoạn, đòi hỏi cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động khoáng sản phải được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Tuy nhiên, hoạt động thăm dò và khảo sát, hoạt động khai thác và chế biến có liên quan mật thiết với nhau, hơn nữa quy trình, điều kiện và hồ sơ xin cấp giấy phép có nhiều quy định trùng lặp, do vậy nên chăng lồng ghép giấy phép giữa thăm dò và khảo sát với nhau, giấy phép giữa khai thác và chế biến với nhau. Điều này sẽ tạo điều kiện nhà đầu tư tham gia hoạt động khoáng sản giảm bớt thời gian trong việc xin cấp giấy phép, chủ động xây dựng đề án kết hợp giữa thăm dò và khảo sát khoáng sản, báo cáo nghiên cứu khả thi kết hợp giữa hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản trong dự án đầu tư.

Kéo dài thời gian xin giấy phép khai thác khoáng sản. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 31 Luật Khoáng sản: Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày giấy phép thăm dò khoáng sản hết hạn, tổ chức, cá nhân được phép thăm dò không nộp đơn xin giấy phép khai thác khoáng

sản đối với khu vực đã thăm dò, thì giấy phép thăm dò mới hoặc giấy phép khai thác khoáng sản có thể được cấp cho tổ chức, cá nhân khác. Với thời gian là 6 tháng để chuẩn bị hồ sơ và xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản là quá ngắn và sẽ tạo ra áp lực cho cá nhân, tổ chức trong quá trình chuẩn bị đơn để tránh mất quyền xin phép khai thác sau khi đã tốn nhiều thời gian, công sức và chi phí để có được dự án cho đến giai đoạn này. Quy định này nên bổ sung thời hạn nộp đơn xin giấy phép khai thác tối 2 năm tính từ khi giấy phép thăm dò hết hiệu lực.

Cam kết ổn định trong hoạt động khoáng sản. Nhằm bảo đảm quyền và lợi ích cho nhà đầu tư tham gia hoạt động khoáng sản, một số quốc gia phát triển áp dụng hình thức Hợp đồng cấp quyền trong hoạt động khoáng sản. Theo đó, hợp đồng được ký kết dựa trên nguyên tắc thiện chí, tin tưởng lẫn nhau, cùng có lợi, đảm bảo đầu tư và các quyền lợi khác được chấp thuận cho các nhà đầu tư. Trong trường hợp, sau ngày hiệu lực của hợp đồng, pháp luật hiện hành được sửa đổi, hủy bỏ hoặc ban hành mới ...mà ảnh hưởng bất lợi tới quyền lợi kinh tế của nhà đầu tư thì Chính phủ và các bên liên quan phải đảm bảo các quyền lợi kinh tế đã ghi trong hợp đồng ban đầu không thay đổi, đặc biệt là chính sách thuế. Hợp đồng cấp quyền mẫu sẽ được xây dựng và phê duyệt bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được áp dụng chung khi ký kết với nhà đầu tư tham gia hoạt động khoáng sản. Vậy nên chăng, chúng ta nghiên cứu và đưa hình thức Hợp đồng cấp quyền này vào trong dự thảo Luật Khoáng sản hay không?

Ông Nguyễn Huy Bá
Luật sư - Công ty Luật Frasers

Thiết lập cơ chế tài chính nhất quán và hợp lý



● Tài nguyên khoáng sản là một nguồn lực quan trọng cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tài nguyên khoáng sản có vòng đời rất dài (vài chục năm), vì vậy cần phải được quản lý, bảo vệ chặt chẽ, khai thác sử dụng một cách tiết kiệm và hiệu quả. Hơn nữa, theo quy định của Luật Đầu tư 2005 thì hoạt động Khoáng sản là hoạt động đầu tư có điều kiện nhưng Nhà nước chưa có quy định rõ ràng đầy đủ và

bảo đảm tính khoa học đối với các điều kiện này. Theo cơ chế cấp phép khai thác khoáng sản hiện nay thì việc sử dụng tài nguyên khoáng sản quý hiếm và có hạn rất kém hiệu quả, không bảo đảm được yêu cầu của sự phát triển bền vững. Để bảo đảm sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả không những vốn đầu tư của các nhà đầu tư mà cả tài nguyên khoáng sản có hạn, đáp ứng ngày càng nhiều nhu cầu của xã hội về các sản phẩm từ khoáng sản, Nhà nước cần có chính sách để các nhà đầu tư có thể được mua "tài sản" của nhà nước thông qua việc tổ chức đấu giá có hiệu quả quyền khai thác khoáng sản. Nếu giải quyết được vấn đề này sẽ đáp ứng được rất nhiều trong việc cải cách thủ tục hành chính.

Quy định về đấu thầu thăm dò, khai thác khoáng sản thực ra đã được quy định trong Luật Khoáng sản và tại Điều 23 của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP, nhưng chưa được triển khai thực hiện. Thời gian qua thu ngân sách từ hoạt động khoáng sản chủ yếu là các khoản thu từ thuế tài nguyên khoáng sản, phí và lệ phí. Do đó mà nguồn thu cho ngân sách nhà nước từ hoạt động khoáng sản còn

thấp, chưa tương xứng với giá trị của tài nguyên khoáng sản là tài sản của quốc gia. Vì vậy, việc thực hiện đấu thầu hoạt động thăm dò, đấu giá quyền khai thác khoáng sản không những giúp tăng thu cho ngân sách nhà nước mà doanh nghiệp cũng khai thác có trách nhiệm hơn và có động lực tìm các biện pháp nâng cao công nghệ trong khai thác và chế biến để tận thu tối đa nguồn tài nguyên khoáng sản.

TS. Lê Ái Thu
Trưởng phòng Pháp chế - Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam



● Vào nửa năm sau của năm 2008, Chính phủ đã ban hành những thay đổi trong chính sách thuế bao gồm: Thứ nhất là việc loại bỏ các ưu đãi về thuế giá trị gia tăng (VAT) khi các khoáng sản chưa qua chế biến (tức là chưa phải là thành phẩm) được chuyển vào danh mục hàng hóa miễn thuế VAT. Như vậy, các công ty khai thác không thể chế biến ra sản phẩm cuối cùng sẽ không được hưởng việc hoàn thuế VAT. Điều này làm tăng chi phí sản xuất.

Thứ hai là việc nâng thuế xuất khẩu đối với nhiều loại khoáng sản, ví dụ như hiện tại, phần lớn các loại quặng phải chịu mức thuế xuất khẩu 20% (tăng từ mức 5% của đầu năm 2008). Thứ ba là việc tăng thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) kể từ ngày 01/01/2009 lên mức 32-50%, tùy từng dự án cụ thể. Cuối cùng là việc nâng thuế tài nguyên (áp dụng cho phần lớn các loại khoáng sản đã được nâng từ

5% lên 7%, vàng từ 6% lên 9%) và mức phí bảo vệ môi trường mới áp dụng cho các loại khoáng sản được khai thác.

Xét về tổng thể, các thay đổi trên đã làm cho Việt Nam trở thành một trong các nước có chế độ thuế khoáng sản nặng nề nhất trên thế giới. Phần lớn những thay đổi đó được ban hành trong năm 2008 khi nền kinh tế thế giới chưa bị khủng hoảng. Tuy nhiên sự suy thoái toàn cầu sau đó đã làm nền kinh tế toàn cầu sa sút nhanh chóng và giá phần lớn các sản phẩm khai thác đã rất nghiêm trọng. Rất nhiều quốc gia đang phải đối mặt với tình trạng giảm phát và suy thoái kinh tế. Cũng giống như Việt Nam, chính phủ các nước trên toàn cầu đang tích cực tìm kiếm các giải pháp để hạn chế thiệt hại. Nhiều quốc gia đang đạt được những kết quả khả quan thông qua việc đưa ra các ưu đãi và khuyến khích kinh tế nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp vượt qua khó khăn và tiếp tục hoạt động. Chính phủ Việt Nam cũng đã nhanh chóng ban hành một số cơ chế nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước hoạt động trong các ngành khác bao gồm việc giảm 50% thuế VAT, miễn thuế TNDN cho quý 4 năm 2008 và năm 2009 và trì hoãn sửa đổi mức thuế thu nhập cá nhân.

Tuy nhiên tác dụng của những ưu đãi này đối với ngành khai thác là rất nhỏ và chỉ góp phần không đáng kể trong việc bù lại các mức

tăng lớn về thuế áp dụng trong năm 2008. Các biện pháp giảm nhẹ dưới hình thức giảm thuế đã được đưa ra cho các ngành cụ thể (như thép và gần đây là than) nhưng việc duy trì các mức thuế cao và áp dụng các lệnh cấm chung đối với xuất khẩu các loại hàng hóa khác (cho dù thị trường nội địa chưa có nhu cầu) đang đe dọa các doanh nghiệp khai thác đang hoạt động trước nguy cơ đóng cửa và từ bỏ các kế hoạch phát triển mở mới. Tính từ cuối năm ngoái đến nay đã có hơn 500 triệu USD vốn FDI bị hủy bỏ. Nếu Chính phủ không đưa ra được các quyết sách nhằm lấy lại lòng tin của các nhà đầu tư đối với môi trường đầu tư ở Việt Nam sau khi các thay đổi về chính sách được đưa ra thì sự thiệt hại về vốn FDI trong tương lai có thể lên tới hàng chục tỷ USD trong những năm tới.

Thay vào đó, nếu Chính phủ ban hành những chính sách tích cực để lấy lại lòng tin của các nhà đầu tư thì ngành khai thác khoáng sản sẽ đóng góp rất lớn cho nền kinh tế quốc dân và góp phần xóa đói giảm nghèo, xây dựng hạ tầng, tạo công ăn việc làm cho nhiều người, đặc biệt tại những vùng sâu vùng xa có điều kiện kinh tế xã hội thấp.

*Ông Trần Hải Bình
Trưởng phòng Tư vấn - Công ty Tư vấn ACC*

Làm rõ quy trình quản lý/cấp phép và thẩm quyền trách nhiệm giữa các ban ngành

● Việc triển khai Luật Khoáng sản cũng như Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản thời gian qua cho thấy, một số quy định liên quan đến việc phối hợp trong cấp phép hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản còn chưa đáp ứng được yêu cầu của cải cách thủ tục hành chính hoặc chưa phù hợp với đặc thù của tài nguyên khoáng sản đã phần nào đã tạo nên một số vướng mắc trong quá trình thi hành Luật Khoáng sản. Bên cạnh đó, một số bất cập phát sinh từ thực tiễn liên quan đến việc cấp phép khai thác, chế biến khoáng sản tại các khu vực ngoài quy hoạch khoáng sản của cả nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ví dụ như căn cứ để cấp phép khai thác khoáng sản trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn, thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh không bảo đảm đúng quy định. Ngoài ra, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không phải thăm dò lại chưa được hướng dẫn cụ thể. Việc quy định thẩm quyền và trách nhiệm giữa các bộ, ngành còn chưa rõ ràng, có sự chồng chéo nên thường gặp phải vướng mắc khi áp dụng. Theo quy định tại Điều 55 (sửa đổi, bổ sung) của Luật Khoáng sản, Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về khoáng sản trong phạm vi cả nước, Ủy ban nhân dân thực hiện quản lý nhà nước tại địa phương; Bộ Xây dựng và Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp khai thác, chế biến theo thẩm quyền. Đồng thời, Điều 4 của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP quy định Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ Chính sách, chiến lược, quy hoạch về thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản thuộc phạm vi phân công quản lý.

Vì vậy, để bảo đảm tính thống nhất, tính khả thi và tính phù hợp của các quy định pháp quy với tính chất và đặc thù của tài nguyên khoáng sản, Quốc hội nên giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện việc quản lý nhà nước về khoáng sản

trong đó bao gồm cả công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch khoáng sản, khoan định, quyết định và công bố khu vực đầu thăm dò, đấu giá quyền khai thác khoáng sản, các Bộ Công nghiệp và Xây dựng sẽ tham gia phối hợp trong quá trình thực hiện.

*TS. Lê Ái Thu
Trưởng phòng Pháp chế - Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam*



● Sự phát triển tối ưu của các nguồn tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam sẽ đòi hỏi việc thận trọng trong phân cấp thẩm quyền trách nhiệm từ trung ương đến địa phương để tránh những trở ngại mà nhiều quốc gia khác đã gặp gỡ với việc phân cấp quá nhanh. Những trở ngại được coi là bất lợi đối với đầu tư trong ngành khoáng sản có thể bao gồm

các dự án phê duyệt không nhất quán với đường lối chính sách của Chính phủ, những thiếu sót trong việc giám sát về hành chính và kỹ thuật đối với các dự án khai thác, và sự thiếu nhất quán trong cơ chế pháp luật. Bằng việc xây dựng một chiến lược riêng về phân cấp quản lý trong ngành khoáng sản, Việt Nam có thể: (a) giao quyền và trách nhiệm cho chính quyền và các cơ quan địa phương để cải thiện cơ chế quản lý đối với ngành khoáng sản theo đường lối chính sách quốc gia; (b) sử dụng cơ chế “một cơ quan chủ trì ở cấp trung ương” quản lý và chịu trách nhiệm đối với sự phát triển của toàn ngành khoáng sản. Cơ quan này sẽ chịu trách nhiệm chỉ đạo và điều phối các cơ quan địa phương; (c) cải thiện cơ chế đầu tư để tạo sức hút đối với đầu tư nước ngoài.

*TS. Jennifer Cook Clark
Chuyên gia quốc tế về khoáng sản*



● Theo công bố vừa qua của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các con số thể hiện vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (được gọi tắt là FDI) vào ngành mỏ Việt Nam hiện đang giảm một cách rõ rệt.

Trong những năm gần đây, cơ chế luật và tài chính áp dụng cho ngành mỏ không còn thuận lợi như trước. Do vậy, nguồn vốn FDI vào ngành mỏ Việt Nam

đã giảm từ xấp xỉ 10% tổng số FDI trong những năm trước năm 2006 xuống dưới mức 1% hiện nay. Những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này hoàn toàn dễ hiểu. Không giống như các nước khác có ngành khoáng sản phát triển, ngành khoáng sản Việt Nam luôn phải đối mặt với ba vấn đề lớn. Thứ nhất, Luật Khoáng sản hiện hành thể hiện sự rắc rối phức tạp của các qui định đã có từ trước và bổ sung, điều này khiến cho Việt Nam được đánh giá là một trong những nước có cơ chế quản lý ngành mỏ khó khăn nhất trên thế giới. Thứ hai là cơ chế quản lý không rõ ràng khi mỗi bộ đều có chức năng quản lý và thẩm quyền cấp phép riêng, điều này thể hiện tính không nhất quán và không chắc chắn trong việc áp dụng và giải thích Luật Khoáng sản. Do vậy, đã gây ra những trì hoãn không đáng có và giảm việc “bảo đảm quyền tiếp tục hoạt động khoáng sản” và “quyền khai thác” mà những quyền này đóng vai trò rất quan trọng trong việc thu hút vốn đầu tư có chất lượng và duy trì sự quản lý hiệu quả tình hình khai thác khoáng sản trong nước đối với Chính phủ. Thứ ba là cơ chế tài chính bất lợi khi vừa qua Bộ Tài chính tăng mức thuế xuất khẩu và thuế tài nguyên, bãi bỏ ưu đãi thuế VAT và tăng mạnh thuế thu nhập doanh nghiệp, khiến ngành mỏ Việt Nam có thể trở thành ngành bị đánh thuế cao nhất trên thế giới. Các qui định cấm xuất khẩu một số mặt hàng khoáng sản (mặc dù

Việt Nam không có thị trường tiêu thụ những mặt hàng đó) vẫn được áp dụng làm tăng thêm trở ngại đối với FDI.

Cả ba vấn đề này sau khi xem xét đều được cho là khó có thể khắc phục được và sẽ tiếp tục làm giảm đáng kể nguồn vốn FDI vào ngành khoáng sản cho đến khi được khắc phục thành công. Cùng với áp lực ngày càng tăng để đáp ứng Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội quốc gia (KHPTKTXH 2006 - 2010) và các mục tiêu tăng trưởng (đặc biệt ở các vùng hẻo lánh) thì chẳng có một ngành nào có thể mang lại nhiều lợi ích như ngành mỏ nếu phát triển mạnh. Việt Nam là một đất nước giàu khoáng sản có tiềm lực to lớn cho một ngành mỏ hiện đại và phát triển để có thể xây dựng cơ sở hạ tầng và tạo ra các cơ hội việc làm có tay nghề ở các vùng hẻo lánh có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đóng góp cho nền kinh tế quốc gia gấp nhiều lần hơn so với ngành mỏ như hiện nay.

Hy vọng rằng những sáng kiến hiện nay của Chính phủ sẽ thành công trong việc cải cách Luật khoáng sản, nâng cao tính rõ ràng trong quản lý và đưa ra những chính sách ưu đãi tài chính cho ngành khoáng sản. Các chuyên gia trong ngành dự đoán rằng nếu đạt được những thành công như vậy, nguồn vốn FDI vào ngành mỏ của Việt Nam có thể sẽ vượt qua con số 01 tỉ đô la Mỹ mỗi năm trong vài năm tới, với tiềm lực tương lai tốt đẹp hơn. Vốn đầu tư được duy trì ở mức này sẽ thúc đẩy nhiều đổi mới cần thiết trong lĩnh vực thăm dò khoáng sản, y tế và các biện pháp khai thác đảm bảo an toàn cho môi trường, và kết quả là ngành sẽ tăng thêm phần đóng góp vào nền kinh tế quốc gia và các mục tiêu tăng trưởng ở các vùng hẻo lánh.

Ông Rod Murfitt

Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Công ty Khoáng sản Olympus Thái Bình Dương

(Tiếp theo trang 1)

thời) giữa thuế, thuế tài nguyên và lệ phí, có tính tới tác động tổng thể lên ngành.

Làm rõ quy trình quản lý/cấp phép và thẩm quyền trách nhiệm giữa các ban ngành

Quy trình quản lý và cấp phép hiện tại vẫn còn chông chéo giữa các bộ, ngành trong việc cấp giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép thăm dò và giấy phép khai thác. Mối liên hệ giữa quy hoạch tổng thể khoáng sản (do Bộ Công Thương và Bộ Xây dựng lập) với Luật Khoáng sản (do Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thực hiện) và Luật Đầu tư (do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện) chưa rõ ràng nên chưa khuyến khích được đầu tư trong ngành mỏ. Để giải quyết vấn đề này, có thể cần nhắc những đề xuất sau:

- **Cần có một cơ quan chủ trì** quản lý và chịu trách nhiệm đối với sự phát triển của toàn ngành khoáng sản. Cơ quan này sẽ có chức năng cấp phép, quản lý, giám sát và thi hành luật. Ngoài ra, cơ quan này sẽ là đầu mối để điều phối hoạt động giữa các bộ/ngành khác khi cần thiết. Việc có nhiều bộ, ngành cùng thực hiện chức năng quản lý nhưng thiếu sự phối hợp chặt chẽ như hiện tại có thể khiến nhà đầu tư mất “quyền được khai thác”, trong khi quyền này chính là yếu tố then chốt thu hút nhà đầu tư chất lượng và đồng thời là công cụ đặc lực để Chính phủ giám sát toàn bộ vòng đời của một dự án khai thác.

- **Cần có sự phân cấp rõ ràng** về chức năng quản lý và thực hiện từ trung ương đến địa phương. Hiện nay, các quy định còn thiếu rõ ràng, dẫn đến việc hiểu và áp dụng khác nhau giữa các địa phương.

Kết luận

Việc sửa đổi Luật Khoáng sản nhằm cải thiện môi trường đầu tư cho ngành khai thác mỏ chắc chắn sẽ đòi hỏi nhiều nỗ lực. Quy trình sửa đổi cần bắt đầu bằng những quyết định đúng đắn của các cơ quan hoạch định chính sách theo hướng mở ra triển vọng cho ngành khoáng sản. Bản tin này đã đề cập đến những vấn đề chính cần được sửa đổi, từ việc xác định cơ quan chủ trì cấp phép, giám sát và quản lý toàn bộ vòng đời của một dự án khai thác, xây dựng giải pháp bình ổn cơ chế tài chính và điều kiện đầu tư đến việc làm rõ quy trình quản lý/cấp phép và thẩm quyền của các ban ngành.

Việc gia nhập WTO đã mở đường cho Việt Nam tiếp cận thị trường thế giới và các nhà đầu tư quốc tế. Do đó, việc xem xét những vấn đề về thương mại và thuế quan liên quan đến ngành khai thác khi sửa đổi Luật khoáng sản năm 2009 cũng rất cần thiết.

Là một nước giàu tài nguyên khoáng sản, Việt Nam có tiềm năng để phát triển một ngành công nghiệp khai thác khoáng sản vững mạnh, mang lại nguồn lợi cho cả nhà nước và doanh nghiệp. Chính phủ Việt Nam sẽ đóng vai trò rất lớn trong sự thành công của ngành khai thác mỏ thông qua việc xây dựng cơ chế pháp lý và tài chính hiệu quả, có tính đến đặc thù của ngành khai thác khoáng sản.